

Số: /QĐ-SXD

Bình Định, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung dự toán kinh phí xây dựng giá dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2021-2025

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 09/01/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Bình Định;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ Quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 75/2020/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý dịch vụ công đô thị trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 07/4/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán kinh phí xây dựng giá dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Công văn số 8700/UBND-KT ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Công văn số 611/UBND-KT ngày 01/02/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc sử dụng chi phí dự phòng trong dự toán kinh phí xây dựng giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải;

Theo đề nghị của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Watech tại Công văn số 09/WT-KTCN ngày 18/01/2021; Chánh Văn phòng và Trưởng phòng Hạ tầng kỹ thuật.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung dự toán kinh phí xây dựng giá dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2021-2025 với số tiền là 22.076.000 đồng (có bảng tính chi tiết kèm theo).

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn thu giá dịch vụ thoát nước thành phố Quy Nhơn. (*Lấy từ chi phí dự phòng trong dự toán kinh phí xây dựng giá dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Quy Nhơn giai đoạn 2021-2025 đã được Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định phê duyệt tại Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 07/4/2020*).

Điều 2. Giao Chánh Văn phòng Sở tham mưu quản lý và sử dụng nguồn kinh phí dự toán bổ sung tại Điều 1 theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phòng Hạ tầng kỹ thuật, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Watech chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (thay b/c);
- Sở Tài chính (để biết);
- UBND TP Quy Nhơn (để biết);
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, VP, P.HTKT.

GIÁM ĐỐC

Trần Viết Bảo

Phụ lục
DỰ TOÁN BỔ SUNG KINH PHÍ XÂY DỰNG GIÁ DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC
VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI THÀNH PHỐ QUY NHƠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SXD ngày tháng năm 2021 của Giám đốc Sở Xây dựng)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Diễn giải	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi phí chuyên gia		10.384.615	
a	Chuyên gia thoát nước và xử lý nước thải trên 10 năm kinh nghiệm (1 người)	01 người x 30.000.000đ/tháng x 01 tuần	6.923.077	theo quy định tại K2, Đ3; K1, Đ4 Thông tư 02/2015/TT-BLĐT BXH ngày 12/01/2015
b	Cán bộ hỗ trợ trên 05 năm kinh nghiệm (1 người)	01 người x 15.000.000đ/tháng x 01 tuần	3.461.538	
2	Chi phí quản lý	0% x (1)	0	
3	Chi phí khác	Bảng Chi phí khác bổ sung kèm theo	9.684.545	
a	Chi phí đi lại		6.534.545	
b	Chi phí thuê phòng nghỉ		1.050.000	theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 4 Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017
c	Phụ cấp lưu trú		600.000	theo quy định tại khoản 1, Điều 3 Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017
d	Chi phí phô tô tài liệu, in ấn báo cáo		1.500.000	
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	0% x ((1) + (2))	0	theo quy định tại Phụ lục số 03 Thông tư 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019
5	Thuế giá trị gia tăng	10% x ((1) + (2) + (3) + (4))	2.006.916	
6	Chi phí dự phòng	5% x ((1) + (2) + (3) + (4) + (5))	0	
	TỔNG CỘNG		22.076.077	
	LÀM TRÒN		22.076.000	

BẢNG: CHI PHÍ KHÁC BỔ SUNG

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
				VND	VND	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)* (4)	
1	Chi phí đi lại (Tổng số lượt đi, về dự kiến từ Hà Nội - Quy Nhơn và ngược lại)	lần	6	1.089.091	6.534.545	Đơn giá tạm lấy theo giá vé tàu hỏa nằm mềm điều hoà tầng 2 (tàu SE1 tuyến Hà nội - Diêu Trì)
	<i>3 người x 1 lần x 2 lượt (đi và về)</i>	<i>lần</i>	<i>6</i>			
2	Chi phí thuê phòng nghỉ	ngày	3	350.000	1.050.000	theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 4 Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017
-	<i>3 người x 1 ngày x 1 đợt</i>	<i>ngày</i>	<i>3</i>			
3	Phụ cấp lưu trú	ngày	3	200.000	600.000	theo quy định tại khoản 1, Điều 3 Quyết định số 72/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017
-	<i>3 người x 1 ngày x 1 đợt</i>	<i>ngày</i>	<i>3</i>			
4	Chi phí phô tô tài liệu, in ấn báo cáo. Dự kiến phô tô tài liệu làm 03 lần, mỗi lần 5 quyển	quyển	15	100.000	1.500.000	Một lần gửi chủ đầu tư để rà soát, hoàn thiện; 01 lần trình thẩm định (tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến thẩm định); 01 lần hoàn thiện ban hành theo quyết định ban hành
	Tổng cộng				9.684.545	